

Số: 1874 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 12 tháng 11 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Bảng tiêu chí để làm cơ sở đánh giá, chấm điểm, xếp loại trách nhiệm đối với Chủ tịch UBND cấp huyện về chất lượng và kết quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và thi hành các quyết định, kết luận giải quyết khiếu nại, tố cáo đã có hiệu lực pháp luật

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Tiếp công dân ngày 25 tháng 11 năm 2013;
Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11 tháng 11 năm 2011;
Căn cứ Luật Tố cáo ngày 12 tháng 6 năm 2018;
Xét đề nghị của Chánh Thanh tra tỉnh tại Tờ trình số 438/TTr-TTr ngày 29/10/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Bảng tiêu chí để làm cơ sở đánh giá, chấm điểm, xếp loại trách nhiệm hằng năm đối với Chủ tịch UBND cấp huyện về chất lượng và kết quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo (KNTC) và thi hành các quyết định, kết luận giải quyết KNTC đã có hiệu lực pháp luật (có Bảng tiêu chí kèm theo).

Điều 2. Mục tiêu, yêu cầu, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, bảng tiêu chí, phương pháp đánh giá

1. Mục tiêu

a. Mục tiêu chung

- Theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC và thi hành các quyết định, kết luận giải quyết KNTC đã có hiệu lực pháp luật đối với Chủ tịch UBND huyện, thành phố hằng năm.

- Làm cơ sở để UBND, Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện công tác lãnh đạo, chỉ đạo về tiếp công dân và giải quyết KNTC trên địa bàn tỉnh.

b. Mục tiêu cụ thể

- Góp phần thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC trên địa bàn toàn tỉnh.

- Nâng cao tinh thần, trách nhiệm của Chủ tịch UBND cấp huyện trong việc thực hiện và chỉ đạo thực hiện đối với công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC; đánh giá khách quan những kết quả nổi bật và hạn chế, yếu kém trong công tác này tại mỗi địa phương.

- Làm căn cứ để nhận xét, đánh giá trách nhiệm người đứng đầu cấp huyện và xét thi đua, khen thưởng hằng năm.

2. Yêu cầu

- Việc đánh giá kết quả thực hiện dựa trên các quy định của Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo, các văn bản hướng dẫn thi hành và sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND, Chủ tịch UBND tỉnh đối với công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC.

- Nội dung đánh giá phải thực chất, khách quan và có xem xét đến đặc điểm, tình hình cụ thể của các địa phương.

- Tạo lập, hình thành được hệ thống theo dõi, đánh giá đối với Chủ tịch UBND cấp huyện; tiến tới theo dõi, đánh giá đồng bộ, toàn diện người đứng đầu các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh và Chủ tịch UBND cấp xã trong công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC.

3. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a. Phạm vi điều chỉnh: Theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện hằng năm về công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC và thi hành các quyết định, kết luận giải quyết KNTC đã có hiệu lực pháp luật đối với Chủ tịch UBND huyện, thành phố.

b. Đối tượng áp dụng: UBND cấp huyện; Thanh tra tỉnh và Văn phòng UBND tỉnh.

4. Bảng tiêu chí và thang điểm đánh giá

Bảng tiêu chí được cấu trúc thành 05 phần với thang điểm là 100, trong đó:

- Phần I, II, III, IV: Có tổng điểm là 90. Bao gồm các nội dung chấm điểm, đánh giá Chủ tịch UBND cấp huyện trong công tác chỉ đạo, điều hành; thực hiện tiếp công dân, giải quyết KNTC và thi hành các quyết định, kết luận giải quyết KNTC đã có hiệu lực pháp luật.

- Phần V: Tổng điểm là 10. Là các điểm thưởng cho Chủ tịch UBND huyện, thành phố.

5. Phương pháp đánh giá

- Chủ tịch UBND huyện, thành phố căn cứ vào Bảng tiêu chí để tự chấm điểm (*Điểm tự chấm*); gửi kết quả chấm điểm và các văn bản, tài liệu có liên quan về Chủ tịch UBND tỉnh (*qua Thanh tra tỉnh*) chậm nhất ngày 05/12 hằng năm.

- Thanh tra tỉnh chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh và các ngành có liên quan thành lập Tổ công tác để kiểm tra, thẩm định và đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh quyết định chấm điểm, đánh giá đối với Chủ tịch UBND huyện, thành phố trước ngày 15/12 hằng năm.

Kết quả đánh giá theo các mức như sau:

+ Hoàn thành xuất sắc: Đạt từ 90 đến 100 điểm và không có tiêu chí nào ở phần I, II, III, IV trong Bảng tiêu chí dưới 50% số điểm tối đa.

- + Hoàn thành tốt: Đạt từ 80 đến 89 điểm.
- + Hoàn thành: Đạt từ 60 đến 79 điểm.
- + Không hoàn thành: Đạt dưới 60 điểm.

Điều 3. Giao trách nhiệm thực hiện

1. Thanh tra tỉnh chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh hướng dẫn, theo dõi các huyện, thành phố trong việc tổ chức thực hiện quyết định này; kiểm tra, thẩm định và đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh chấm điểm, đánh giá đối với Chủ tịch UBND huyện, thành phố.

Giao Thanh tra tỉnh làm đầu mối tiếp nhận các kiến nghị, phản ánh để kịp thời kiến nghị, đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh quyết định điều chỉnh, bổ sung Bảng tiêu chí cho phù hợp.

2. Chủ tịch UBND huyện, thành phố triển khai, thực hiện nghiêm túc việc tự chấm điểm; phân công đơn vị làm đầu mối tổng hợp việc tự chấm điểm của địa phương mình; cung cấp các hồ sơ, tài liệu có liên quan để phục vụ việc kiểm tra, thẩm định và chấm điểm.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Chánh Thanh tra tỉnh, Chủ tịch UBND huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, TCD (02).

Bản điện tử:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, NC, TH, TTTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lại Thanh Sơn



BẢNG TIÊU CHÍ

Đánh giá, chấm điểm, xếp loại trách nhiệm đối với Chủ tịch UBND cấp huyện về chất lượng và kết quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và thi hành các quyết định, kết luận giải quyết KNTC đã có hiệu lực pháp luật

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1874 /QĐ-UBND ngày 12 /11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế		Ghi chú
			Điểm tự chấm	Điểm thẩm định	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	Công tác chỉ đạo, điều hành và chấp hành báo cáo	20			
1	Quản triệt, triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh... về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo (KNTC); tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật về KNTC	5			
	<i>Quản triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả: 05 điểm.</i>				
	<i>Đã thực hiện nhưng chưa kịp thời, chưa hiệu quả: 02 điểm.</i>				
	<i>Không quản triệt, triển khai thực hiện : 0 điểm</i>				
2	Thực hiện các yêu cầu của Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh trong quá trình giải quyết KNTC và kiến nghị, phản ánh (KNPA) theo quy định của pháp luật	8			
	<i>Thực hiện nghiêm túc: 08 điểm.</i>				
	<i>Mỗi vụ việc có văn bản nhắc nhở:</i> - Khi bị nhắc nhở lần thứ nhất: được 07 điểm; - Khi bị nhắc nhở lần thứ hai: được 05 điểm; - Khi bị nhắc nhở lần thứ ba (hoặc có từ 02 vụ việc trở lên có văn bản nhắc nhở): được 03 điểm. - Khi bị nhắc nhở từ lần thứ tư trở lên: 0 điểm.				
	<i>Thực hiện không đúng hoặc bị phê bình bằng văn bản: 0 điểm.</i>				
3	Chấp hành chế độ thông tin, báo cáo về công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC và báo cáo vụ việc	5			
	<i>Thực hiện kịp thời, đúng quy định: 05 điểm.</i>				
	<i>Thực hiện chưa kịp thời: 02 điểm.</i>				
	<i>Không thực hiện: 0 điểm.</i>				
4	Cập nhật thông tin tình hình tiếp công dân và giải quyết KNTC vào Hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về KNTC	2			
	<i>Cập nhật đầy đủ: 02 điểm.</i>				
	<i>Cập nhật không đầy đủ, nhưng đảm bảo trên 50% tổng số đơn tiếp nhận trên địa bàn: 01 điểm.</i>				

TT	Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế		Ghi chú
			Điểm tự chấm	Điểm thẩm định	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<i>Không cập nhật: 0 điểm.</i>				
II	Công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư	20			
1	Tổ chức tiếp công dân định kỳ (của lãnh đạo UBND cấp huyện)	5			
	<i>Tổ chức tiếp đầy đủ số ngày quy định/năm: 05 điểm</i>				
	<i>Tổ chức tiếp thiếu 01 ngày/năm: được 04 điểm.</i>				
	<i>Tổ chức tiếp thiếu 02 ngày/năm: được 02 điểm.</i>				
	<i>Tổ chức tiếp thiếu từ 03 ngày trở lên/năm: 0 điểm.</i>				
2	Chủ tịch UBND cấp huyện tiếp công dân định kỳ	5			
	<i>Tiếp công dân đầy đủ số ngày quy định: 05 điểm.</i>				
	<i>Tiếp công dân từ 50% số ngày quy định trở lên: 03 điểm.</i>				
	<i>Tiếp công dân dưới 50% số ngày quy định: 0 điểm.</i>				
3	Phối hợp trong xử lý, tiếp công dân vượt cấp ra Trung ương và lên tỉnh	5			
	<i>Thực hiện kịp thời việc đón công dân về địa phương để tiếp theo quy định (nếu cần thiết): 05 điểm.</i>				
	<i>Thực hiện không đầy đủ, kịp thời 01 lần: được 04 điểm</i>				
	<i>Thực hiện không đầy đủ, kịp thời 02 lần: được 03 điểm.</i>				
	<i>Thực hiện không đầy đủ, kịp thời 03 lần: được 02 điểm.</i>				
	<i>Thực hiện không đầy đủ, kịp thời 04 lần: được 01 điểm.</i>				
	<i>Thực hiện không đầy đủ, kịp thời 05 lần hoặc không phối hợp thực hiện: 0 điểm.</i>				
4	Tiếp nhận, xử lý đơn	5			
	<i>Tiếp nhận, xử lý theo quy định 100% đơn: 05 điểm</i>				
	<i>Tiếp nhận, xử lý theo quy định từ 80% đến dưới 100% đơn: 04 điểm</i>				
	<i>Tiếp nhận, xử lý theo quy định từ 70-79% đơn: 03 điểm.</i>				
	<i>Tiếp nhận, xử lý dưới 70% đơn: 0 điểm.</i>				
III	Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	30			
1	Kết quả giải quyết KNTC, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền	15			
	<i>Giải quyết xong trên 90% vụ việc: 15 điểm.</i>				

TT	Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế		Ghi chú
			Điểm tự chấm	Điểm thẩm định	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Giải quyết xong từ 80 - 90 % vụ việc: 10 điểm.				
	Giải quyết xong từ 70 - 79 %: 05 điểm.				
	Giải quyết xong dưới 70% vụ việc: 0 điểm				
2	Chất lượng giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo	15			
	Giải quyết đúng quy định của pháp luật 100% vụ việc: 15 điểm.				
	Sau giải quyết, công dân tiếp tục khiếu nại lần hai, tố cáo tiếp đến Chủ tịch UBND tỉnh và được kết luận là việc giải quyết (việc ban hành quyết định, kết luận giải quyết KNTC) không đúng hình thức, quy trình, không hết nội dung, không đúng bản chất, xử lý không nghiêm khắc các đối tượng vi phạm, áp dụng sai quy định pháp luật; bị cải sửa, hủy bỏ, yêu cầu thu hồi quyết định, giải quyết lại...: + Có dưới 10% tổng số quyết định, kết luận giải quyết KNTC do Chủ tịch UBND cấp huyện đã ban hành: 10 điểm; + Có từ 10 - 20 % tổng số quyết định, kết luận giải quyết KNTC do Chủ tịch UBND cấp huyện đã ban hành: 05 điểm; + Có trên 20% tổng số quyết định, kết luận giải quyết KNTC do Chủ tịch UBND cấp huyện đã ban hành: 0 điểm.				
IV	Thực hiện các quyết định, kết luận giải quyết khiếu nại, tố cáo đã có hiệu lực thi hành	20			
	Thực hiện xong, dứt điểm các quyết định, kết luận giải quyết KNTC đã ban hành trong năm: Thực hiện 100% quyết định, kết luận: 20 điểm.				
	Thực hiện từ 80% đến dưới 100% quyết định, kết luận: 15 điểm.				
	Thực hiện từ 70 đến 79 % quyết định, kết luận: 10 điểm.				
	Thực hiện từ 60 đến 69% quyết định, kết luận: 05 điểm.				
	Thực hiện dưới 60% quyết định, kết luận: 0 điểm.				
V	Điểm thưởng	10			
	Thực hiện tốt công tác theo dõi, nắm bắt tình hình KNTC trên địa bàn: Không có đoàn khiếu kiện đông người: 03 điểm	3			
	Không có KNTC vượt cấp: 03 điểm.	3			

TT	Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế		Ghi chú
			Điểm tự chấm	Điểm thẩm định	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<i>Không phát sinh điểm nóng về khiếu kiện: 04 điểm.</i>	4			
	Cộng	100			